

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2018
V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Biên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Đức Lâm**

2. Ông **K’Ja Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hoà**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 251/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16A/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn 3, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2017 của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và Ông Nguyễn Hồng T chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

vào ngày 20/8/2014. Việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được gia đình hai bên đồng ý.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, sau đó đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng không chung quan điểm, thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Mặt khác, do ông T không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời, bài bạc bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không những không thay đổi mà còn đánh đập bà.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ đầu năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, phần ai người ấy sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Ông T làm gì, ở đâu bà không biết vì không liên lạc với nhau, thời gian vợ chồng sống ly thân bà cũng đã đi làm ăn xa nên không sinh sống ở địa phương, thỉnh thoảng bà có về địa phương thăm bố mẹ bà ở Lộc B thì được biết ông T cũng thỉnh thoảng về địa phương thăm anh trai.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Nguyễn Hồng T.

- Về con chung: Bà T trình bày: bà và Ông Nguyễn Hồng T có với nhau 01 người con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 24/9/2013.

Nay bà T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày: Bà và ông T không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ông Nguyễn Hồng T đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, triệu tập làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải điều hợp lệ nhưng ông T đều vắng mặt nên không có lời khai nào:

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không được vì lý do ông T vắng mặt.

Sau đó bà T có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiếp tục tiến hành hoà giải vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà T và ông T được ly hôn; Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 24/9/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: buộc bà T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Ông Nguyễn Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với Ông Nguyễn Hồng T nên xác định quan hệ “Ly hôn” và thuộc thẩm quyền của Tòa án giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo Bà T trình bày: Bà T và Ông Nguyễn Hồng T chung sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 20/8/2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, sau đó đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Mặt khác, do ông T không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời, bài bạc bà T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không những không thay đổi mà còn đánh đập bà. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên từ đầu năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, phần ai người ấy sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Ông T làm gì, ở đâu bà không biết vì giữa bà và ông T không liên lạc với nhau. Thời gian vợ chồng sống ly thân bà cũng đã đi làm ăn xa, thỉnh thoảng ông T có về địa phương thăm anh trai.

Tại biên bản xác minh ngày 14/12/2017, Công an xã L cho biết trong quá trình chung sống ở địa phương giữa bà T và ông T xảy ra rất nhiều mâu thuẫn,

gây mất trật tự tại địa phương. Có lần giữa bà T và ông T xảy ra xô xát và công an xã đã lập biên bản vụ việc nhưng không xử lý hành chính.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng, muốn dây dưa kéo dài gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông T. Điều đó càng chứng tỏ trong thời gian qua, Bà T và ông T sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cả hai đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà T và ông T được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

[4] Về con chung: Bà T và Ông Nguyễn Hồng T có với nhau 01 người con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 24/9/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, con chung do Bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc vẫn phát triển bình thường. Bà T trình bày từ đầu năm 2018 đến nay, ông T về thăm con và lợi dụng mất cảnh giác của bà T ông T đã đưa cháu Nguyễn đi nơi khác sinh sống, hiện nay không biết ở đâu. Nay Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy cháu Nguyễn còn rất nhỏ, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 24/9/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 143, 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T xin ly hôn nên buộc Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 143, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của Bà Nguyễn Thị T với Ông Nguyễn Hồng T. Xử cho Bà Nguyễn Thị T và Ông Nguyễn Hồng T được ly hôn.

2. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Khôi N, sinh ngày 24/9/2013 cho Bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, Ông Nguyễn Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Bà T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005007 ngày 24/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng, bà T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Biên